



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01989

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Avi-Bac WS  
**Số lượng/ khối lượng** : 48 thùng/ 480 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Probyn International Inc., U.S.A.  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : AAP-HAN/250110 ngày 10/01/2025  
Hóa đơn số : 2442 ngày 20/3/2025  
Vận đơn số : CHISGN175459  
Ngày sản xuất : Tháng 02/2025  
**Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng** : Số 3017/HQ-GDK-TTKN ngày 06/5/2025  
(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250034885)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH TM HẢI AN NAM**  
Địa chỉ: 16/34/3A đường số 9, Khu phố Phước Hậu,  
phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-  
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công  
nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 706 /QĐ-TTKN  
Ngày 23 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01990

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Pro-Ba-Cil  
**Số lượng/ khối lượng** : 48 thùng/ 480 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Probyn International Inc., U.S.A.  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : AAP-HAN/250110 ngày 10/01/2025  
Hóa đơn số : 2442 ngày 20/3/2025  
Vận đơn số : CHISGN175459  
Ngày sản xuất : Tháng 01/2025  
**Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng** : Số 3017/HQ-GDK-TTKN ngày 06/5/2025  
(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250034885)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH TM HẢI AN NAM**  
Địa chỉ: 16/34/3A đường số 9, Khu phố Phước Hậu,  
phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-  
BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công  
nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 706 /QĐ-TTKN  
Ngày 23 tháng 5 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đã Thanh Tùng**



**BẢNG MÃ HOÁ MẪU PHÂN TÍCH**

**1. Mã hoá mẫu (trước khi gửi đi phân tích)**

| Doanh nghiệp/ ngày mã hoá                           | Mã mẫu       | Quy chuẩn áp dụng                             | Tên sản phẩm/ chỉ tiêu phân tích |                                                                  | Ghi chú                |
|-----------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------|
|                                                     |              |                                               | Tên sản phẩm                     | Chỉ tiêu phân tích                                               |                        |
| Công ty TNHH Thương mại Hải An Nam<br><br>14/5/2025 | 0525137/HQV2 | Mục 2.2 bảng 2 QCVN 02 - 31 - 2:2019/BNNP TNT | Avi-Bac WS                       | Hg (mg/kg)<br>Cd (mg/kg)<br>Pb (mg/kg)<br>Aflatoxin<br>B1(µg/kg) | BNNPTNT292<br>50034885 |
|                                                     | 0525138/HQV2 |                                               | Pro-Ba-Cil                       | E. coli (CFU/g)<br>Salmonella (CFU/25g)                          |                        |

**Bảng mã hoá này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hoá mẫu, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm**

**NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ**



**Nguyễn Thế Linh**

**2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm**

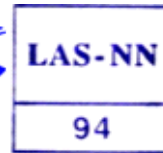
| Người thực hiện | Đơn vị            | Thời gian ( ghi rõ.... giờ, ngày.../.../...) | Phòng thí nghiệm được lựa chọn | Ghi chú |
|-----------------|-------------------|----------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| Nguyễn Thế Linh | Trung tâm Vùng II | 15h30 ngày 02/11/2024                        | ASTAC                          |         |





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 5004/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 14532505430

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 15/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 15/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0525137/HQV2                           | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 19/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**

**Nguyễn Đình Xuân Quý**

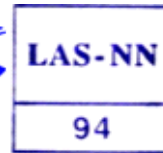
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Addr: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 5005/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Thế Linh

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 14532505431

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 15/05/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 15/05/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0525138/HQV2                           | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | <0,05              | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 19/05/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**

**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.